

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 04 -2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn
2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST- HNGĐ ngày 09/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K - Sinh năm: 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn M- Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn M (Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến bất hòa kéo dài. Mặc dù đã cố gắng chung sống vì con và được hai bên gia đình hòa giải, động viên nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện được. Chị và anh M đã ly thân từ tháng 07/2024. Nay chị xác định tình cảm với anh M không còn, hạnh phúc đã tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn M.

-Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi Quang M1, sinh ngày 16/03/2017 và cháu Bùi Quốc C, sinh ngày 08/01/2021. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu M1 ở với bố được bố trực tiếp chăm sóc giáo dục còn cháu C ở với chị K. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu M1 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng còn chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn M trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có một số bất đồng trong cuộc sống. Đến nay chị K yêu cầu ly hôn với anh, tuy nhiên do các con còn nhỏ nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

-Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi Quang M1, sinh ngày 16/03/2017 và cháu Bùi Quốc C, sinh ngày 08/01/2021. Nếu vợ, chồng phải ly hôn anh đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Quang M1, giao cháu Bùi Quốc C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Bùi Văn M; Về con chung: Giao cháu Bùi Quang M1 cho anh Bùi Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Quốc C cho chị

Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn M. Anh M cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết. Anh Bùi Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị K và anh M.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị K và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Chị K và anh M đã sống ly thân từ tháng 07/2024 không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị K được ly hôn với anh M là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi Quang M1, sinh ngày 16/03/2017 và cháu Bùi Quốc C, sinh ngày 08/01/2021. Chị K và anh M đều có nguyện vọng sau khi ly hôn giao cháu M1 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét yêu cầu của chị K và anh M là chính đáng và hợp pháp. Quá

trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu M1, nguyện vọng của cháu muốn được ở với Bố. Mặt khác từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu M1 ở với bố và được bố trực tiếp nuôi dưỡng, cháu C ở với mẹ được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu Bùi Quang M1 cho anh Bùi Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Quốc C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị K và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Bùi Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang M1, sinh ngày 16/03/2017 cho anh Bùi Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Quốc C, sinh ngày 08/01/2021 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0003626 ngày 26/12/2024. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn M. Chị K và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Bình; huyện Thạch Thành
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hà

Ngô Thị Ân

Bùi Văn Hải